TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĂN QUAN** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 31-12-2021
Về việc ly hôn,
tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vy Thiện Hào

Bà Lý Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 36/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 Về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị H, sinh năm 1979. Trú tại: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1975. Trú tại: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 9 năm 2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 19/10/2021, bản tự khai ngày 25/10/2021 bà Lương Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Đức T được hai bên gia đình cho tổ chức lễ cưới từ năm 1995, trước khi cưới không được tìm hiểu nhưng hai bên đều tự nguyện, không bị ai ép buộc. Do khi tổ chức lễ cưới bà chưa đủ 18 tuổi nên không đi đăng ký kết hôn, nhưng hai người chung sống như vợ chồng cho đến nay. Thời gian đầu chung sống vợ chồng chưa xảy ra mâu thuẫn, cho đến năm 2002 bà sinh con đầu lòng thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, xung đột xảy ra ngày càng nhiều. Đến tháng 4/2019 bà

nhờ Tổ hòa giải thôn B đến để hòa giải nhưng do mâu thuẫn xảy ra trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Đức T.

Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 13/01/2002 nay đã trưởng thành, đang học tại Học viện Cảnh sát nhân dân, bà không yêu cầu giải quyết và cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 09/12/2008, hiện nay do anh Nguyễn Đức T nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án bà Lương Thị H yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Ánh T, tại phiên tòa bà đồng ý để cho ông Nguyễn Đức T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Nguyễn Thị Ánh T cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, nay ông Nguyễn Đức T không yêu cầu bà cũng nhất trí.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai ngày 02/11/2021 trình bày: Ông và bà Lương Thị H tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống thời gian đầu diễn ra bình thường, nhưng do hiện nay bà Lương Thị H không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến con cái, nên giữa hai người thường xảy ra chửi mắng nhau gay gắt, tháng 4/2019 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, bà Lương Thị H gọi Tổ hòa giải thôn đến làm việc, bà Lương Thị H đã bỏ đi, từ đó vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định vợ chồng không có tình cảm, bà Lương Thị H xin ly hôn ông cũng nhất trí.

Về con chung: Ông Nguyễn Đức T thống nhất với nội dung trình bày của bà Lương Thị H về con chung. Khi ly hôn ông không yêu cầu giải quyết đối với cháu Nguyễn Đức Q, ông yêu cầu được nuôi Nguyễn Thị Ánh T cho đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà Lương Thị H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cháu Nguyễn Thị Ánh T có nguyện vọng muốn được ở với bố là ông Nguyễn Đức T.

Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải về con chung nhưng đương sự đều vắng mặt nên không tiến hành được.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tiến hành tố tụng thu thập tài liệu chứng cứ và tống đạt các văn bản, quyết định đúng trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định, bị đơn không đến Tòa theo giấy triệu tập là chưa chấp hành đúng quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9;

khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa bà Lương Thị H và ông Nguyễn Đức T là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ánh T cho ông Nguyễn Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, bà Lương Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung và tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Lương Thị H là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Hương được miễn án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lương Thị H và ông Nguyễn Đức T có tổ chức cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 có đủ điều kiện kết hôn nhưng do không hiểu biết pháp luật nên đến nay ông, bà không đi đăng ký kết hôn theo quy định, tại văn bản số 193/UBND-TP ngày 05/11/2021 của Ủy ban nhân dân xã An Sơn, huyện Văn Quan xác nhận bà Lương Thị H và ông Nguyễn Đức T không có đăng ký kết hôn. Hội đồng xét xử thấy, do cuộc hôn nhân của ông, bà không tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận bà Lương Thị H và ông Nguyễn Đức T là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Cháu Nguyễn Đức Q đã trưởng thành, hai bên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đức T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Ánh T, phù hợp với nguyện vọng của cháu, được bà Lương Thị H đồng ý, do vậy được chấp nhận. Trong trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

[4] Về cấp dưỡng: Ông Nguyễn Đức T không yêu cầu bà Lương Thị H cấp dưỡng nuôi con, được bà Lương Thị H đồng ý, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Bà Lương Thị H là dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn án phí, do vậy được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 264; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lương Thị H và ông Nguyễn Đức T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 09/12/2008 cho ông Nguyễn Đức T được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bà Lương Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, bà Lương Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

3. Về án phí: Bà Lương Thị H được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lương Thị H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0006013 ngày 25/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận nhân được bản án hoặc bản án đương niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Quan, T. Lạng Sơn
- CCTHADS H. V, T. Lạng Sơn.
- UBND xã A, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Mỹ Phước

Hội thẩm nhân dân		Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
Hoàng Hương Liễu	**Vy Thiện Hào**	**Nông Thị Mỹ Phước**